

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2022/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHOÁ X KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khoá X Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2022. / *me*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. *me*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*); là căn cứ để lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố có xã khu vực III, I và các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là *sở, ban, ngành và địa phương*).

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ thực hiện Chương trình

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực thực hiện đã được tích hợp tại nội dung Chương trình; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, ấp khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo người dân tộc thiểu số; ưu tiên cho các địa bàn còn

thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

4. Ưu tiên bố trí ngân sách trung ương đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư các công trình giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông), công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh cho các xã khu vực III.

5. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng nhu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; tăng cường phân cấp cho cơ sở để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các địa phương, các cấp, các ngành trong triển khai, thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế từng địa phương, từng vùng theo quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, dễ thực hiện.

6. Phân bổ kế hoạch vốn hằng năm cho các sở, ngành và địa phương thực hiện Chương trình theo kết quả giải ngân của năm trước năm kế hoạch; ưu tiên phân bổ cho các địa phương, các dự án, tiểu dự án, nội dung của Chương trình bảo đảm tiến độ giải ngân.

7. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm

1. Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm để thực hiện Chương trình phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh và địa phương theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn về nội dung này.

2. Các cơ quan cấp tỉnh và các địa phương tham gia thực hiện Chương trình căn cứ kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao xây dựng kế hoạch thực hiện, xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương gửi Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

3. Nguồn vốn phân bổ hằng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các Chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình

1. Phương pháp tính

Tổng số vốn phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố thứ k (T_k) được tổng hợp

từ vốn phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của huyện, thị xã, thành phố đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

- i là dự án, tiểu dự án thứ i

$\overline{(i=1,n)}$

- k là huyện, thị xã, thành phố thứ k

$\overline{(k=1,2)}$

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của huyện, thị xã, thành phố (k) theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

- $V_{k,i}$: Vốn phân bổ dự án, tiểu dự án thứ i cho huyện, thị xã, thành phố thứ k .

- $X_{k,i}$: Số điểm dự án, tiểu dự án thứ i của huyện, thị xã, thành phố thứ k .

- Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

G_i : Vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho dự án, tiểu dự án thứ i .

2. Tiêu chí, định mức phân bổ

a) Dự án 1: Giải quyết tình trạng đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

(1) Phân bổ vốn đầu tư

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	a	0,4 x a
2	Cứ 1 công trình tuyến ống cấp nước	30	b	30 x b
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong kế hoạch thực hiện chương trình.

(2) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

- Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong kế hoạch thực hiện Chương trình.

b) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

(1) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Phân bổ vốn đầu tư: Không

- Phân bổ vốn sự nghiệp.

+ Phân bổ vốn cho cơ quan cấp tỉnh: Không quá 11% tổng số vốn của tiểu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Ban Dân tộc tỉnh không quá 3%; Sở Công Thương không quá 2%; Liên minh Hợp tác xã, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân mỗi cơ quan không quá 2%).

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư

Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK)

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	$28 \times a$
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã ĐBKK hơn: Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK

1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	$0,15 \times a$
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ K được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

c) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

(1) Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Phân bổ vốn đầu tư

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	a	$0,3 \times a$
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Số liệu chợ; trạm y tế; Số km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa; nhà hòa táng điện; công trình cầu giao thông kết nối, hạ tầng lưới điện cho các xã khu vực III, ấp ĐBKK căn cứ số liệu trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của địa phương.

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

Nhóm tiêu chí cơ bản:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	9	a	$9 \times a$
2	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi Trạm Y tế xây mới và cải tạo	2,5	b	$2,5 \times b$
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

Nhóm tiêu chí ưu tiên: Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo xã ĐBKK

1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	a	$0,03 \times a$
	Tổng cộng điểm	-	-	$B_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg. Hỗ trợ trang thiết bị cho Trạm Y tế xây mới và cải tạo, nhà hóa táng điện căn cứ số liệu trong kế hoạch thực hiện Chương trình.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ K được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

d) Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

(1) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Phân bổ vốn đầu tư

+ Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Phân bổ tập trung 100% vốn cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh để chủ trì tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

+ Phân bổ cho các địa phương: Không

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10% vốn sự nghiệp của Tiểu dự án.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	$0,5 \times a$
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	$10 \times b$

3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	$0,05 \times c$
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	$500 \times d$
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương, được tổng hợp trong kế hoạch thực hiện Chương trình.

(2) Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp

Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh không quá 36%, trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 22%, Trường Chính trị tỉnh không quá 14%.

+ Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,204	a	$0,204 \times a$
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Nội dung 2: Đào tạo dự bị đại học, đại học, sau đại học

+ Phân bổ vốn cho các cơ quan cấp tỉnh không quá 36%, trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 22%, Trường Chính trị tỉnh không quá 14%.

+ Đào tạo đại học, sau đại học: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đào tạo đại học	1,6	a	$1,6 \times a$
2	Huyện đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ	16,5	b	$16,5 \times b$
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

(3) Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Phân bổ vốn đầu tư: Không
- Phân bổ vốn sự nghiệp
- + Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 2,5% tổng vốn Tiểu dự án.
- + Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	$0,035 \times a$
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương.

Số lượng học viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế và được tổng hợp trong kế hoạch thực hiện Chương trình.

(4) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- Phân bổ vốn đầu tư: Không
- Phân bổ vốn sự nghiệp:
- + Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh: Không quá 20% tổng vốn của tiểu dự án.
- + Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III (xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135))	15	a	$15 \times a$
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

đ) Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ 100% vốn cho huyện Long Mỹ để đầu tư các dự án văn hóa trên

địa bàn xã đặc biệt khó khăn.

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Không quá 20% tổng vốn sự nghiệp của Dự án.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống cho mỗi dân tộc có khó khăn đặc thù	50	a	50 x a
2	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào DTTS và miền núi	10	b	10 x b
3	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hóa truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hóa truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số...)	3,5	c	3,5 x c
4	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	d	0,6 x d
5	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian...)	2	e	2 x e
6	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	g	0,5 x g
7	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	h	20 x h
8	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	i	10 x i
9	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	k	3 x k
10	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	l	0,3 x l

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
11	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hóa tại các ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	m	0,3 x m
12	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	n	5 x n
	Tổng cộng điểm	-	-	X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, e...) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các địa phương đã được tổng hợp trong kế hoạch thực hiện Chương trình.

e) Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ cho Sở Y tế không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của Dự án.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng điểm	-	-	X_{k,i}

Xã khu vực I, III được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

g) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Phân bổ vốn đầu tư: Không

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh: Không quá 12% tổng vốn sự nghiệp của dự án.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Theo phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBK (xã khu vực III <i>(xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn Nông thôn</i>	10	a	10 x a

	<i>mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135))</i>			
	Tổng cộng điểm	-	-	$X_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

h) Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

(1) Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Phân bổ vốn đầu tư: Không

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh: Không quá 16% vốn sự nghiệp Tiêu dự án.

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã khu vực III	3	c	3 x c
4	Mỗi mô hình được thực hiện	2	d	2 x d
	Tổng số	-	-	$X_{k,i}$

+ Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của huyện căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

+ Xã khu vực I, III (b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

+ Số mô hình thực hiện (d) là 20% của tổng số xã khu vực III của huyện, thành phố được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

i) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

(1) Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

- Phân bổ vốn đầu tư: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 70% tổng vốn sự nghiệp (Ban Dân tộc tỉnh không quá 50%, Sở Tư pháp không quá 10%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 10%).

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng	-	-	X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

(2) Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ vốn 100% cho Sở Thông tin và Truyền thông đầu tư thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh.

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 67% tổng vốn sự nghiệp (Ban Dân tộc tỉnh không quá 45%, Sở Thông tin và Truyền thông không quá 22%).

+ Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	X_{k,i}

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

(3) Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

- Phân bổ vốn đầu tư: Không

- Phân bổ vốn sự nghiệp

+ Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không quá 70% tổng vốn sự nghiệp Tiểu dự án. Trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 25%; Sở Kế hoạch và Đầu tư không quá 22%; Sở Tài chính không quá 23%.

+ Phân bổ cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 x b
	Tổng cộng	-	-	$X_{k,i}$

Xã khu vực I, III (a, b) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình./.